

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 869,457 là:

A. $\frac{5}{10}$

B. $\frac{5}{1000}$

C. 50

D. $\frac{5}{100}$

Câu 2. Số thập phân mà phần nguyên là số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số, phần thập phân là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số là:

A. 101,9998

B. 111,1998

C. 103,1988

D. 100,8888

Câu 3: Điền dấu (>, < hoặc =) thích hợp vào chỗ trống

23ha 45m² 23,45ha

A. >

B. =

C. <

Câu 4. Tổng của hai số là 0,6. Thương của số bé và số lớn cũng bằng 0,6. Tìm hai số.

A. 0,2 và 0,4

B. 0,225 và 0,375

C. 0,235 và 0,2

D. 0,48 và 0,12

Câu 5. Trong bể có 25 con cá, trong đó có 20 con cá chép. Tỷ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

A. 5%

B. 20%

C. 80%

D. 100%

Câu 6. 45% của 120 là:

A. 540

B. 54

C. 45

D. 12

II. PHẦN TỰ LUẬN**Bài 1** (1 điểm): Đặt tính rồi tính:

146,34 + 521,85

745,5 – 14,92

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$25,04 \times 3,5$$

$$66,15 : 63$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2 (2 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $207,5 - 12,3 \times 2,4 + 8,5$

b) $502 - (45,5 + 22,5 \times 12)$

.....

.....

.....

.....

Bài 3 (3 điểm): Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng kém chiều dài 4,5m.

a) Tính diện tích mảnh đất đó?

b) Người ta dành 15% diện tích đất để làm nhà. Tính diện tích phần đất làm nhà.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (1 điểm): Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm

Lãi suất tiết kiệm là 0,6% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 10 000 000 đồng. Sau 1 tháng cả số tiền gửi và số tiền lãi là: đồng.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1.

Phương pháp:

Xác định hàng của chữ số 5 trong số thập phân đã cho, từ đó xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải:

Chữ số 5 trong số thập phân 879,457 thuộc hàng phần trăm nên có giá trị là $\frac{5}{100}$

Chọn D.

Câu 2.

Phương pháp:

- Tìm số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số và số chẵn lớn nhất có bốn chữ số.
- Muốn viết một số thập phân, ta viết lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp: trước hết viết phần nguyên, viết dấu "phẩy", sau đó viết phần thập phân.

Cách giải:

Số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số là 101.

Số chẵn lớn nhất có bốn chữ số là 9998.

Vậy số thập phân cần tìm là 101,9998.

Chọn A.

Câu 3.

Phương pháp:

Viết các số đo về cùng đơn vị đo là ha rồi so sánh kết quả với nhau.

Cách giải:

Ta có: $23\text{ha } 45\text{m}^2 = 23\frac{45}{10000}\text{ha} = 23,0045\text{ha}$.

Mà: $23,0045\text{ha} < 23,45\text{ha}$.

Vậy: $23\text{ha } 45\text{m}^2 < 23,45\text{ha}$.

Chọn C.

Câu 4.

Phương pháp:

- Viết $0,6 = \frac{3}{5}$. Khi đó ta có tỉ số của số bé và số lớn.
- Tìm số bé và số lớn theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

Cách giải:

Ta có: $0,6 = \frac{3}{5}$

Do đó tỉ số của số bé và số lớn là $\frac{3}{5}$, hay số bé bằng $\frac{3}{5}$ số lớn.

Coi số bé gồm 3 phần bằng nhau thì số lớn gồm 5 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$0,6 : 8 \times 3 = 0,225$$

Số lớn là:

$$0,6 - 0,225 = 0,375$$

Đáp số: Số bé: 0,225

Số lớn: 0,375

Chọn B.

Câu 5.

Phương pháp:

Muốn tìm tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể ta tìm thương của số cá chép và số cá trong bể, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

Cách giải:

Tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

$$20 : 25 = 0,8 = 80\%$$

Đáp số: 80%.

Chọn C.

Câu 6.

Phương pháp:

Muốn

Cách giải:

45% của 120 là:

$$120 : 100 \times 45 = 54$$

$$\text{Hoặc: } 120 \times 45 : 100 = 54$$

Chọn B.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1.

Phương pháp:

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học về phép cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

Cách giải:

$$\begin{array}{r} 146,34 \\ + 521,85 \\ \hline 668,19 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 745,5 \\ - 14,92 \\ \hline 730,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25,04 \\ \times 3,5 \\ \hline 12520 \\ 7512 \\ \hline 87,640 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 66,15 & 63 \\ 315 & 1,05 \\ \hline 0 & \end{array}$$

Bài 2.

Phương pháp:

- Biểu thức có dấu ngoặc thì tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.
- Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện phép nhân, chia trước; thực hiện phép cộng, trừ sau.

Cách giải:

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 207,5 - 12,3 \times 2,4 + 8,5 \\ & = 207,5 - 29,52 + 8,5 \\ & = 177,98 + 8,5 \\ & = 186,48 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 502 - (45,5 + 22,5 \times 12) \\ & = 502 - (45,5 + 270) \\ & = 502 - 315,5 \\ & = 186,5 \end{aligned}$$

Bài 3.

Phương pháp:

- Tính chiều rộng ta lấy chiều dài trừ đi 4,5m.
- Tính diện tích ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.
- Tính diện tích phần đất làm nhà ta lấy diện tích mảnh đất chia cho 100 rồi nhân với 15 hoặc lấy diện tích mảnh đất nhân với 15 rồi chia cho 100.

Cách giải:

a) Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$24 - 4,5 = 19,5 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$24 \times 19,5 = 468 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Diện tích phần đất làm nhà là:

$$468 : 100 \times 15 = 70,2 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 468m^2 ;

b) $70,2\text{m}^2$.

Bài 4.**Phương pháp:**

- Tính số tiền lãi ta lấy số tiền gửi chia cho 100 rồi nhân với 0,6.
- Tính tổng số tiền gửi và tiền lãi = tiền gửi + tiền lãi.

Cách giải:

Số tiền lãi sau một tháng là:

$$10\,000\,000 : 100 \times 0,6 = 60\,000 \text{ (đồng)}$$

Sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là:

$$10\,000\,000 + 60\,000 = 10\,060\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 10 060 000 đồng.

